

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho sinh viên
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học, ban hành kèm theo Quyết định số 3796/QĐ-ĐHCT, ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản xét tốt nghiệp số 14/BB-ĐHCT, 15/BB-ĐHCT, 16/BB-ĐHCT, 17/BB-ĐHCT, 18/BB-ĐHCT, 19/BB-ĐHCT, ngày 13/9/2022, của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp hệ VLVH năm 2022 của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho 238 sinh viên hình thức Vừa làm vừa học do Trường Đại học Cần Thơ đào tạo tại các đơn vị:

- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên An Giang	27 sinh viên;
- Trường Đại học Cần Thơ	02 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	10 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	46 sinh viên;
- Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	37 sinh viên;
- Trường Đại học An Giang	01 sinh viên;
- Trường Đại học Cần Thơ	54 sinh viên;
- Trường Đại học Tiền Giang	08 sinh viên;
- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Kiên Giang	01 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Kiên Giang	15 sinh viên;
- Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An	03 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	06 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Vĩnh Long	28 sinh viên;

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Các chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ được dừng kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Các ông/bà Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ, Hiệu trưởng(Giám đốc) các đơn vị liên kết đào tạo thuộc điều 1, Trường khoa, các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên căn cứ quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Các Khoa liên quan (đề biết);
- Lưu: VT, TT.LKĐT/ĐHCT.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2022

(Kèm theo Quyết định số: 3751/QĐ-ĐHCT ký ngày 14 tháng 9 năm 2022)

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
1	AG1732N311	Nguyễn Thanh Hào	11/08/1995		AG1732N1	Luật	Trung bình
2	AG1732N324	Trần Hoài Nam	06/08/1994		AG1732N1	Luật	Trung bình
3	AG1732N325	Dương Lê Bích Ngân	20/07/1998	N	AG1732N1	Luật	Trung bình
4	AG1832N300	Lê Đức Duy	06/09/1996		AG1832N1	Luật	Khá
5	AG1832N304	Lê Nhật Chinh	11/09/1986		AG1832N1	Luật	Khá
6	AG1832N306	Phan Thị Ngọc Diệu	19/09/1996	N	AG1832N1	Luật	Khá
7	AG1832N308	Nguyễn Trần Lê Duy	05/08/1992		AG1832N1	Luật	Khá
8	AG1832N313	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	14/02/1992	N	AG1832N1	Luật	Khá
9	AG1832N319	Chau Mốt	23/09/1989		AG1832N1	Luật	Trung bình
10	AG1832N321	Lê Văn Thành Nhân	27/05/1998		AG1832N1	Luật	Trung bình
11	AG1832N323	Trần Thành Niên	13/07/1998		AG1832N1	Luật	Trung bình
12	AG1832N326	Trần Thị Phương	01/01/1983	N	AG1832N1	Luật	Trung bình
13	AG1832N336	Phan Thị Thúy Vân	29/03/1990	N	AG1832N1	Luật	Khá
14	AG1832N338	Ngô Trần Hải Yến	15/03/1997	N	AG1832N1	Luật	Khá
15	AG1832N339	Hà Nguyên Hoàng	08/07/1986		AG1832N1	Luật	Trung bình
16	AG1832N341	Đặng Thị Mộng Lý	25/05/1997	N	AG1832N1	Luật	Trung bình
17	AG1832N342	Tôn Vương Thanh Nghị	22/02/1996		AG1832N1	Luật	Trung bình
18	AG1832N344	Trương Minh Quân	11/05/1985		AG1832N1	Luật	Trung bình
19	AG1832N345	Nguyễn Thúc Thìn	11/11/2000		AG1832N1	Luật	Trung bình
20	AG1832N346	Trương Ngọc Thùy Trang	27/09/1992	N	AG1832N1	Luật	Khá
21	AG1832N347	Nguyễn Thị Thùy Trang	04/09/1993	N	AG1832N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
22	AG1832N348	Nguyễn Thanh Tú	07/03/1996		AG1832N1	Luật	Trung bình
23	AG1832N351	Võ Thị Tuyết Mai	22/04/2000	N	AG1832N1	Luật	Trung bình
24	AG1832N352	Dương Quốc Mẫn	18/10/1998		AG1832N1	Luật	Khá
25	AG1832N353	Phạm Thị Kiều Oanh	01/04/2000	N	AG1832N1	Luật	Trung bình
26	AG1832N358	Võ Hữu Tuấn	29/06/1975		AG1832N1	Luật	Khá
27	AG1932H306	Nguyễn Ngọc Hiền	13/02/1988		AG1932H1	Luật	Khá
28	CB1732M327	Huỳnh Thị Hồng Ni	05/09/1997	N	CB1732M1	Luật	Trung bình
29	CB1732M332	Nguyễn Hoài Phương	26/10/1989		CB1732M1	Luật	Trung bình
30	CD1632N030	Đặng Hoàng Minh	18/06/1989		CD1632N1	Luật	Trung bình
31	CD1732N013	Võ Nguyễn Hữu Đăng	07/02/1997		CD1732N1	Luật	Trung bình
32	CD1732N508	Phan Long Hồ	00/00/1988		CD1732N2	Luật	Trung bình
33	CD1732N518	Trần Thị Thoại Mỹ	08/12/1996	N	CD1732N2	Luật	Trung bình
34	CD1732N526	Huỳnh Chí Thanh	02/06/1987		CD1732N2	Luật	Khá
35	CD1732N528	Nguyễn Thanh Thiện	22/02/1990		CD1732N2	Luật	Trung bình
36	CD1732Q049	Phạm Thị Phương Thảo	01/09/1990	N	CD1732Q1	Luật	Khá
37	CK1967K500	Đỗ Phương Anh	28/10/1998	N	CK1967K1	Thú y	Giỏi
38	CK1967K502	Nguyễn Hoài Bảo	21/04/1998		CK1967K1	Thú y	Khá
39	CK1967K503	Nguyễn Phú Cường	14/07/1997		CK1967K1	Thú y	Khá
40	CK1967K504	Nguyễn Trí Cường	30/06/1998		CK1967K1	Thú y	Khá
41	CK1967K505	Lê Khả Hân	18/05/1998	N	CK1967K1	Thú y	Giỏi
42	CK1967K506	Lý Anh Hào	14/12/1997		CK1967K1	Thú y	Khá
43	CK1967K507	Nguyễn Phúc Hậu	14/12/1998		CK1967K1	Thú y	Giỏi
44	CK1967K508	Trần Nhật An Khang	20/11/1997		CK1967K1	Thú y	Giỏi
45	CK1967K510	Dương Chế Linh	11/06/1998		CK1967K1	Thú y	Khá
46	CK1967K513	Trần Diệp Mi	29/04/1998	N	CK1967K1	Thú y	Giỏi
47	CK1967K514	Phan Tổ Nam	26/03/1997		CK1967K1	Thú y	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
48	CK1967K515	Lê Minh Ngân	01/01/1992		CK1967K1	Thú y	Khá
49	CK1967K516	Quách Thanh Nhân	14/04/1998		CK1967K1	Thú y	Khá
50	CK1967K517	Lê Huỳnh Như	21/02/1998	N	CK1967K1	Thú y	Giỏi
51	CK1967K519	Nguyễn Minh Sang	09/01/1998		CK1967K1	Thú y	Khá
52	CK1967K521	Lý Minh Tâm	02/04/1998		CK1967K1	Thú y	Giỏi
53	CK1967K522	Nguyễn Đăng Tâm	24/04/1998		CK1967K1	Thú y	Khá
54	CK1967K523	Nguyễn Văn Tâm	28/07/1998		CK1967K1	Thú y	Giỏi
55	CK1967K525	Lê Trần Minh Thế	16/11/1997		CK1967K1	Thú y	Khá
56	CK1967K526	Mai Trường Thịnh	10/11/1998		CK1967K1	Thú y	Giỏi
57	CK1967K527	Đặng Thị Mộng Thu	21/03/1993	N	CK1967K1	Thú y	Giỏi
58	CK1967K529	Đặng Tấn Tiên	21/02/1997		CK1967K1	Thú y	Khá
59	CK1967K530	Trần Thị Xuân Trang	24/05/1996	N	CK1967K1	Thú y	Giỏi
60	CK1967K533	Võ Phương Tuyền	17/02/1997	N	CK1967K1	Thú y	Giỏi
61	CK1967K534	Võ Khánh Duy	11/10/1998		CK1967K1	Thú y	Khá
62	CK19V7K500	Trương Thị Dân An	17/11/1997	N	CK19V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
63	CK19V7K509	Nguyễn Huỳnh Phú Hữu	24/11/1998		CK19V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
64	CK19V7K510	Dư Gia Huy	30/08/1998		CK19V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
65	CK2022K002	Phan Văn Cảnh	26/11/1999		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
66	CK2022K003	Mai Thiên Chúc	04/04/1999	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
67	CK2022K005	Phan Thị Thùy Dương	06/03/1999	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
68	CK2022K006	Huỳnh Phú Duy	15/04/1998		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
69	CK2022K007	Nguyễn Thị Phương Hằng	29/09/1996	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
70	CK2022K009	Ngô Thị Kiều Hạnh	26/10/1993	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
71	CK2022K010	Hồ Thị Mỹ Hạnh	26/08/1999	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
72	CK2022K013	Nguyễn Hồ Mỹ Huyền	10/10/1999	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
73	CK2022K020	Đàm Kim Ngân	18/02/1998	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
74	CK2022K021	Nguyễn Trọng Nguyễn	01/01/1998		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
75	CK2022K023	Nguyễn Quỳnh Như	15/07/1999	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
76	CK2022K024	Lâm Minh Tâm	07/04/1999		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
77	CK2022K025	Huỳnh Thái Tân	04/05/1998		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
78	CK2022K028	Nguyễn Minh Thông	31/03/1989		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
79	CK2022K029	Trịnh Hoàng Tín	21/06/1999		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
80	CK2022K030	Lê Minh Tính	01/01/1993		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
81	CK2022K034	Nguyễn Ngọc Như Ý	24/10/1999	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
82	CK2022K035	Nguyễn Thảo Nhi	22/10/1998	N	CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
83	CT1332N600	Nguyễn Thị Thúy Nga	29/01/1995	N	CT1332N2	Luật	Trung bình
84	CT1432M629	Lý Ngọc Trang	07/06/1995	N	CT1432M2	Luật	Trung bình
85	CT1532N507	Nguyễn Văn Sơn	24/06/1992		CT1532N1	Luật	Trung bình
86	CT15V1M505	Lê Tấn Sang	08/03/1997		CT15V1M1	Ngôn ngữ Anh	Trung bình
87	CT1632M002	Trương Huệ Mẫn	29/09/1998	N	CT1632M1	Luật	Trung bình
88	CT1632N013	Hà Thị Hoàng Uyên	27/09/1998	N	CT1632N1	Luật	Trung bình
89	CT1632N061	Hoàng Xuân Ý	27/06/1988		CT1632N1	Luật	Trung bình
90	CT1632N062	Phạm Hải Đăng	28/11/1998		CT1632N1	Luật	Trung bình
91	CT1722N319	Huỳnh Tấn Trọn	17/12/1996		CT1722N1	Quản trị kinh doanh	Khá
92	CT1722N322	Nguyễn Ngọc Hân	11/12/1999	N	CT1722N1	Quản trị kinh doanh	Khá
93	CT1722N325	Nguyễn Thị Quỳnh Như	14/12/1997	N	CT1722N1	Quản trị kinh doanh	Khá
94	CT1722N336	Trần Thị Thúy An	24/08/1983	N	CT1722N1	Quản trị kinh doanh	Khá
95	CT1732M315	Trần Ngọc Trung	29/06/1998		CT1732M1	Luật	Trung bình
96	CT1822N502	Lê Trọng Đạt	26/02/1995		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
97	CT1822N512	Phạm Thanh Nhân	15/10/1990		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
98	CT1822N514	Nguyễn Tú Nhi	26/12/1992	N	CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
99	CT1822N522	Lê Trường Thọ	25/08/1987		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
100	CT1822N524	Võ Thị Tím	10/05/1984	N	CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
101	CT1822N531	Nguyễn Văn Lộc	20/04/1983		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
102	CT1822N533	Hà Thị Nguyệt Nga	24/08/1985	N	CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
103	CT1822N540	Nguyễn Trung Toàn	27/08/2000		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
104	CT1822N544	Lương Thị Khánh Duy	07/11/1992	N	CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
105	CT1822N545	Võ Thị Mỹ Duyên	09/04/1999	N	CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
106	CT1822N546	Đỗ Thanh Hiệp	10/07/1996		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
107	DC1822N711	Bùi Thị Thùy Trang	22/08/1991	N	CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
108	CT1832N553	Phạm Ngọc Thiên Thanh	11/11/1991	N	CT1832N1	Luật	Trung bình
109	CT18V1H535	Lao Sơn Hải	16/11/1989		CT18V1H2	Ngôn ngữ Anh	Khá
110	CT1932Q301	Đoàn Hoàng Dur	12/06/1989		CT1932Q1	Luật	Trung bình
111	CT1932Q309	Lưu Tiến Long	23/08/1971		CT1932Q1	Luật	Khá
112	CT1932Q310	Nguyễn Hoàng Minh	10/07/1992		CT1932Q1	Luật	Trung bình
113	CT1932Q311	Chế Thị Bé Năm	07/01/1988	N	CT1932Q1	Luật	Khá
114	CT1932Q318	Mai Trần Đăng Quang	12/11/1989		CT1932Q1	Luật	Khá
115	CT1932Q321	Mai Viết Thống	10/02/1990		CT1932Q1	Luật	Trung bình
116	CT1932Q326	Võ Minh Trung	20/12/1990		CT1932Q1	Luật	Trung bình
117	CT1932Q334	Nguyễn Văn Mến	06/12/1980		CT1932Q1	Luật	Trung bình
118	CT1932Q337	Trần Phạm Tính	28/02/1984		CT1932Q1	Luật	Khá
119	CT1932Q353	Võ Minh Tuấn	23/02/1977		CT1932Q1	Luật	Khá
120	DA1532N514	Phạm Thành Đạt	27/02/1994		DA1532N2	Luật	Trung bình
121	DC1332M099	Lê Minh Quân	22/06/1990		DC1332N1	Luật	Khá
122	DC1422M520	Tô Chí Tâm	16/06/1995	N	DC1422M1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
123	DC1532M577	Nguyễn Văn Mậu	10/03/1987		DC1532N1	Luật	Trung bình
124	DC1532N520	Nguyễn Công Nam	23/07/1991		DC1532N1	Luật	Trung bình
125	DC1532N525	Nguyễn Hữu Thành	06/07/1987		DC1532N1	Luật	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
126	DC1532N700	Nguyễn Thị Trân Trân	01/04/1996		DC1532N1	Luật	Trung bình
127	DC1632N047	Mai Đại Phát	20/09/1993		DC1632N1	Luật	Trung bình
128	DC1632P042	Nguyễn Phước Tiền	29/11/1992		DC1632P1	Luật	Khá
129	DC1662N008	Trần Thái Anh	12/02/1994	N	DC1662N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá
130	DC1662N013	Nguyễn Hữu Ngọc Nhi	06/11/1993	N	DC1662N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá
131	DC1662N019	Lê Thanh Trí	01/07/1996		DC1662N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá
132	DC1720N525	Phan Thị Phượng	05/05/1987	N	DC1720N1	Kế toán	Khá
133	DC1732N311	Nguyễn Hiếu Lộc	20/02/1994		DC1732N2	Luật	Khá
134	DC1732N506	Phạm Trọng Trí	21/11/1990		DC1732N2	Luật	Trung bình
135	DC1732N507	Lê Thanh Tân	25/06/1980		DC1732N2	Luật	Khá
136	DC1822N505	Nguyễn Phước Duy	22/12/1988		DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
137	DC1822N506	Nguyễn Hồng Đào	25/10/1997	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
138	DC1822N516	Nguyễn Gia Huy	02/12/2000		DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
139	DC1822N519	Lê Thị Kim Ngân	01/03/1997	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
140	DC1822N521	Trần Ý Nhi	15/07/2000	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
141	DC1822N530	Dương Bảo Toàn	26/01/1997		DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
142	DC1822N543	Đặng Phú Văn	20/07/1993		DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
143	DC1822N546	Nguyễn Minh Hân	26/04/1996		DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
144	DC1822N549	Phạm Thị Xuân Lan	27/05/1995	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
145	DC1822N551	Huỳnh Minh Tâm	25/01/2000	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
146	DC1822N554	Nguyễn Tuấn Vũ	02/09/1995		DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
147	DC1822N556	Tiêu Phúc Hữu	30/05/1994		DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
148	DC1822N720	Nguyễn Thị Cẩm Trúc	29/01/1994	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
149	DC1732N325	Nguyễn Huỳnh Hoàng Thư	18/01/1999	N	DC1832N1	Luật	Khá
150	DC1832N505	Hứa Văn Khánh Hòa	15/11/1997		DC1832N1	Luật	Khá
151	DC1832N507	Bùi Thị Mỹ Huyền	13/07/2000	N	DC1832N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
152	DC1832N517	Huỳnh Văn Nhuận	07/02/1993		DC1832N1	Luật	Khá
153	DC1832N522	Nguyễn Minh Tâm	26/08/1979		DC1832N1	Luật	Khá
154	DC1832N525	Võ Anh Thư	01/03/1989		DC1832N1	Luật	Trung bình
155	DC1832N529	Trần Quốc Tuấn	09/08/1988		DC1832N1	Luật	Khá
156	DC1832N531	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	18/02/1997	N	DC1832N1	Luật	Khá
157	DC1832N557	Nguyễn Thanh Toàn	29/10/1988		DC1832N1	Luật	Khá
158	DC1832N719	Phạm Thị Thúy Hằng	12/01/1975	N	DC1832N1	Luật	Khá
159	DC1922H303	Nguyễn Tư Duy	07/04/1988		DC1922H1	Quản trị kinh doanh	Khá
160	DC1922H316	Trần Chí Nguyễn	04/11/1994		DC1922H1	Quản trị kinh doanh	Khá
161	DC1932H506	Võ Thành Muốt Em	17/09/1984		DC1932H1	Luật	Khá
162	DC1932H525	Lê Thanh Thoảng	12/02/1981	N	DC1932H1	Luật	Khá
163	DC2022K017	Hồ Thị Phương Lan	17/01/1999	N	DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
164	DC2022K018	Nguyễn Chúc Mai	15/05/1997	N	DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
165	DC2022K019	Danh Bé Năm	01/02/1992		DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
166	DC2022K021	Trương Hoàng Nhã	14/01/1998		DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
167	DC2022K024	Trần Thế Quân	01/08/1991		DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
168	DC2022K025	Phan Minh Tăng	22/05/1994		DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
169	DC2022K031	Lê Ngọc Trâm	29/10/1997	N	DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
170	DC2022K033	Trần Phước Trí	01/08/1999		DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
171	DC2022K036	Nguyễn Tuấn Tú	18/09/1996		DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
172	DC2022K040	Hoàng Trường Vũ	22/06/1998		DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
173	DC2022K041	Ngô Thị Ánh Xuân	05/12/1999	N	DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
174	DC2022K044	Vũ Ngọc Thắng	16/08/1996		DC2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
175	DG1432M581	Huỳnh Hữu Tài	08/08/1988		DG1432M1	Luật	Trung bình
176	DG1732N304	Dương Thị Mỹ Duyên	22/03/1994	N	DG1732N1	Luật	Khá
177	DG1732N317	Nguyễn Dương Trọng Quý	13/04/1997		DG1732N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
178	DG1732N503	Nguyễn Thị Kim Cương	25/09/1990	N	DG1732N1	Luật	Khá
179	DG1732N516	Nguyễn Thị Huyền	09/07/1983	N	DG1732N1	Luật	Trung bình
180	DG1732N523	Võ Quốc Thiện	20/09/1992		DG1732N1	Luật	Khá
181	DG1832N511	Nguyễn Thị Hoài Khuyên	08/12/1983	N	DG1832N1	Luật	Khá
182	DG1832N528	Đặng Tấn Vinh	30/12/1997		DG1832N1	Luật	Trung bình
183	GK1632N038	Danh Tính	03/01/1998		GK1632N1	Luật	Khá
184	KG1532N553	Nguyễn Quốc Huy	30/08/1991		KG1532N1	Luật	Trung bình
185	KG1732N302	Danh Hữu Đạt	10/05/1999		KG1732N1	Luật	Trung bình
186	KG1732N304	Nguyễn Tuyết Giao	01/11/1996	N	KG1732N1	Luật	Trung bình
187	KG1822N502	Quách Thị Kim Chi	01/01/1999	N	KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
188	KG1822N503	Nguyễn Văn Đô	23/04/1991		KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
189	KG1822N505	Nhan Đường Duy	22/05/1994		KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
190	KG1822N506	Cao Thành Giáp	06/03/1994		KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
191	KG1822N508	Trần Hoàn Mỹ Hào	06/01/2000	N	KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
192	KG1822N511	Nguyễn Huỳnh Trần Huệ	01/09/1988		KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
193	KG1822N514	Vương Văn Long	01/04/1986		KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
194	KG1822N526	Phạm Thị Kiều Trang	29/10/1979	N	KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
195	KG1822N529	Nguyễn Thị Hà Duy	06/09/1994	N	KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
196	KG1822N536	Trang Đình Kiên	01/11/1996		KG1822N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
197	KG1832Q302	Nguyễn Thị Tú Anh	21/10/1993	N	KG1832Q1	Luật	Khá
198	KG19V1Q008	Trần Kim Cương	15/12/1990	N	KG19V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
199	LA1332N046	Phan Quốc Thanh	10/01/1986		LA1332N1	Luật	Trung bình
200	LA1532N529	Nguyễn Thành Luân	09/06/1991		LA1532N1	Luật	Trung bình
201	LA1932Q044	Lê Thị Bích Chi	25/04/1990	N	LA1932Q1	Luật	Khá
202	ND1732N510	Lê Hữu Hưng	00/00/1985		ND1732N1	Luật	Khá
203	ND1732N519	Phạm Đức Nghi	00/00/1978		ND1732N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
204	ND1732N538	Lê Minh Toàn	12/12/1998		ND1732N1	Luật	Trung bình
205	ST1432M285	Lê Thị Thúy Diễm	14/07/1991	N	ST1432M3	Luật	Trung bình
206	ST1732N002	Kha Hoàng Chơn	05/01/1992		ST1732N1	Luật	Trung bình
207	ST1732N003	Lê Hoàng Điễm	09/02/1989		ST1732N1	Luật	Trung bình
208	ST1732N010	Tô Nhật Thanh Huân	02/11/1995		ST1732N1	Luật	Trung bình
209	ST1732N053	Nguyễn Hải Yến	08/11/1999	N	ST1732N1	Luật	Trung bình
210	ST1732N500	Phạm Văn Cường	11/10/1988		ST1732N2	Luật	Trung bình
211	VL1832H521	Ngô Bình Thi	20/10/1994		VL1832H1	Luật	Khá
212	VL1832M301	Lê Văn Chuyên	02/08/1982		VL1832M1	Luật	Khá
213	VL1832M302	Trần Quốc Cường	30/06/1989		VL1832M1	Luật	Khá
214	VL1832M303	Nguyễn Tấn Đạt	17/03/1984		VL1832M1	Luật	Khá
215	VL1832M304	Trương Thanh Hòa	25/12/1983		VL1832M1	Luật	Khá
216	VL1832M305	Nguyễn Thanh Huy	14/10/1994		VL1832M1	Luật	Khá
217	VL1832M306	Huỳnh Yến Khanh	03/05/1989	N	VL1832M1	Luật	Khá
218	VL1832M309	Nguyễn Hoàn Liệt	17/08/1981		VL1832M1	Luật	Khá
219	VL1832M310	Đặng Vũ Linh	12/11/1991		VL1832M1	Luật	Khá
220	VL1832M312	Nguyễn Tấn Lực	08/03/1990		VL1832M1	Luật	Khá
221	VL1832M313	Nguyễn Hữu Nghĩa	20/12/1989		VL1832M1	Luật	Khá
222	VL1832M318	Dương Hoàng Nhả	30/04/1987		VL1832M1	Luật	Khá
223	VL1832M321	Nguyễn Thanh Phong	07/04/1990		VL1832M1	Luật	Khá
224	VL1832M322	Hồ Việt Quốc	19/02/1986		VL1832M1	Luật	Khá
225	VL1832M324	Nguyễn Thanh Sang	00/00/1984		VL1832M1	Luật	Khá
226	VL1832M326	Lê Quang Thắng	03/10/1995		VL1832M1	Luật	Khá
227	VL1832M327	Nguyễn Chí Thanh	19/11/1994		VL1832M1	Luật	Khá
228	VL1832M328	Nguyễn Dương Như Thảo	20/05/1991	N	VL1832M1	Luật	Giỏi
229	VL1832M331	Lê Minh Trọng	10/07/1991		VL1832M1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
230	VL1832M332	Lê Văn Tú	25/04/1991		VL1832M1	Luật	Khá
231	VL1832M333	Đặng Văn Tuấn	19/06/1979		VL1832M1	Luật	Khá
232	VL1832M334	Thái Thanh Tùng	16/12/1985		VL1832M1	Luật	Khá
233	VL1832M335	Hà Thanh Tùng	25/04/1989		VL1832M1	Luật	Khá
234	VL1832M337	Lê Phúc Vinh	14/11/1982		VL1832M1	Luật	Khá
235	VL1832M338	Phạm Mỹ Xuân	01/10/1986	N	VL1832M1	Luật	Khá
236	VL1832M339	Phạm Thị Hồng Cẩm	00/00/1986	N	VL1832M1	Luật	Khá
237	VL1832M347	Nguyễn Thanh Hoàng	18/02/1986		VL1832M1	Luật	Khá
238	VL1832M353	Nguyễn Bá Học	19/09/1991		VL1832M1	Luật	Khá

LẬP BẢNG

Võ Minh Trí

TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Phạm Phương Tâm